

Số: **23** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **26** tháng **02** năm **2020**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thanh Hóa và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/02/2020.

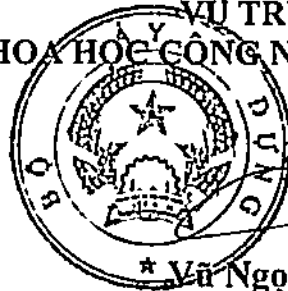
CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thanh Hóa,
Mã số thuế: 2800220128
Địa chỉ: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, TP Thanh Hóa.
Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 44 Minh Khai, phường Ba Đình, TP Thanh Hóa.
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 51**
3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thanh Hóa,
- Sở XD Thanh Hóa;
- TT Thông tin (website),
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



*** Vũ Ngọc Anh**

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 51

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 23 /GCN-BXD, ngày 26 tháng 02 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	CƠ LÝ XI MĂNG	
	Dộ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 11
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 15
	Xác định độ nở, độ bền Sunphat của xi măng	TCVN 6068:04
2	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:93
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :93
	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109 :93
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :93
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113 :93
	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115 :93
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 :93
	Xác định giới hạn bền nén của bê tông	TCVN 3118 :93
	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119 :93
	Xác định độ bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12
	Xác định cường độ lắng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
3	CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Thành phần cỡ hạt; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng clorua; Xác định hàm lượng sunfat và sunfit ; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica.	TCVN 7572:2006
4	VỮA XÂY DỰNG	
	- Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:2003
5	ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012

✓

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22TCN 333- 2006;
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 2006; AASHTO-T193 ASTM D1883
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa;	TCVN 8860:2011
7	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05
	XD tỷ lệ KLND sau khi ĐN ở 163°C trong 5h so với KL ở 25°C	22TCN 279:01
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 05
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 05
8	BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
	- Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Hệ số hao nước; KL-TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
9	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định dung tọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai	TCVN 8729:2012 AASHTO T204
	bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bêt này	TC VN 9334:2012
	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8730:2012 AASHTO-T191 ASTM D1556
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	XD môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011

(*) (Hàng) (Số) (Y)

T

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Do diện trở đất	TCVN 9385:2012
	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429
	Xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bắt nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn(SPT)	TCVN 9351:2012
	Thử khả năng chịu tải của ống cống BTCT	TCVN 9113:12
	Thử khả năng chịu tải của cống hộp BTCT	TCVN 9116:12
	Rãnh dọc chịu lực và không chịu lực (có nắp và khung có nắp) qua đường: Thử tải	TCVN 11362:2016 TCVN 6394:2014
	Bó via bê tông đúc sẵn : Thử uốn, nén	TCVN 10797:2015
	Thử nghiệm nắp hố ga, song chắn rác: Thử uốn, nén	BS EN 124:2015
10	DUNG DỊCH BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
11	GẠCH ỐP LÁT VÀ ĐÁ ỐP LÁT	
	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn và lực gãy; Xác định độ bền rạn men đối với gạch men; Xác định độ cứng bề mặt; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn	TCVN 6415:2005 TCVN 4732:2007
12	GẠCH TERRAZO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn; Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013
13	GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng	TCVN 6355:2009
14	GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 6477:2016
15	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	K/tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
16	ỐNG PVC, PE, PP DÙNG ĐỂ DẪN NƯỚC TRONG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG	
	Xác định ngoại quan mẫu, kích thước và sai lệch	TCVN 9070-2012
	Độ bền ngắn hạn với áp suất bên trong	TCVN 6149:2007
	Xác định biến dạng hình học, áp lực nén ngoài ống	TCVN 9070-2012
17	NƯỚC XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua Cl ⁻	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:96
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78
	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định vàng dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:00
18	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
	Thử kéo	TCVN 197.1:2014
	Thử uốn	TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10
	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
19	PHÂN TÍCH HÓA CƠ BẢN ĐẤT SÉT, VLXD	
	Hàm lượng Silic Dioxid (SiO_2) theo phương pháp khối lượng	TCVN 7131:02
	Hàm lượng Nhôm oxit (Al_2O_3)	TCVN 7131:02
	Hàm lượng Sắt III oxit (Fe_2O_3) theo phương pháp chuẩn độ phức chất	TCVN 7131:02
	Hàm lượng Canxi oxit (CaO)	TCVN 7131:02
	Hàm lượng Magie oxit (MgO)	TCVN 7131:02
	Xác định hàm lượng SO_3	TCVN 7131:02

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DÙNG